

Đồng Hới, ngày 05 tháng 01 năm 2026

Số: 01/2026/QĐSTTCDS

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Khoản 1 Điều 13; khoản 3 Điều 18; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 12 năm 2025, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án tranh chấp dân sự thụ lý số: 65/2025/TLST-TCDS ngày 07 tháng 10 năm 2025.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng N; Địa chỉ: số B L, phường G, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Tổng giám đốc; đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Văn Đ- Giám đốc ngân hàng N chi nhánh B; đại diện theo ủy quyền lại: Ông Võ Văn T- Trưởng phòng Kiểm tra, giám sát nội bộ ngân hàng N chi nhánh B.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966; nơi cư trú: thôn T, xã Đ, tỉnh Quảng Trị.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ thanh toán:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 6711/HĐTD ngày 18/8/2016; Hợp đồng sửa đổi bổ sung ngày 28/12/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng 6711A/HĐTD ngày 08/8/2019; các giấy nhận nợ ngày 18/8/2016, ngày 25/8/2016, ngày 29/9/2016, ngày 12/10/2016, ngày 23/11/2016, ngày 13/12/2016 các bên thống nhất trình bày tính đến ngày 28/10/2025 ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị L còn nợ của Ngân hàng N số tiền 10.820.727.429 đồng (mười tỷ, tám trăm hai mươi

triệu, bảy trăm hai mươi bảy nghìn, bốn trăm hai mươi chín đồng), trong đó: nợ gốc là 7.102.430.000 đồng (bảy tỷ, một trăm linh hai triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng) và nợ lãi là 3.718.297.429 đồng (ba tỷ, bảy trăm mười tám triệu, hai trăm chín mươi bảy nghìn, bốn trăm hai mươi chín đồng).

Các bên thống nhất thoả thuận chậm nhất ngày 24/02/2026 ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị L phải trả cho Ngân hàng N số tiền là 10.820.727.429 đồng (mười tỷ, tám trăm hai mươi triệu, bảy trăm hai mươi bảy nghìn, bốn trăm hai mươi chín đồng), trong đó: nợ gốc là 7.102.430.000 đồng (bảy tỷ, một trăm linh hai triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng) và nợ lãi là 3.718.297.429 đồng (ba tỷ, bảy trăm mười tám triệu, hai trăm chín mươi bảy nghìn, bốn trăm hai mươi chín đồng) đồng tính đến ngày 28/10/2025.

- Kể từ ngày 29/10/2025 ông T1 và bà L còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 6711/HĐTD ngày 18/8/2016; hợp đồng sửa đổi bổ sung ngày 28/12/2016 và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng 6711A/HĐTD ngày 08/8/2019.

- Các bên thống nhất thoả thuận nếu trong thời hạn đã cam kết trả nợ giữa ông T1, bà L và Ngân hàng mà ông T1, bà L vi phạm Nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 6711/HĐTC ngày 10/8/2016; Hợp đồng sửa đổi bổ sung số: 6711/HĐTC-SĐBS ngày 27 tháng 12 năm 2016 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

2.2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông T1 và bà L phải chịu toàn bộ 2.300.000 đồng (hai triệu ba trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Do Ngân hàng N đã nộp tạm ứng số tiền này để chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên ông T1 và bà L phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền 2.300.000 đồng (hai triệu ba trăm nghìn đồng).

*Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thi hành số tiền trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.*

### 2.3. Về án phí:

Các bên đương sự Ngân hàng N và ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị L thoả thuận ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị L phải chịu 59.410.000 đồng (năm mươi chín triệu, bốn trăm mười nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho N số tiền 59.368.579 đồng (năm mươi chín triệu, ba trăm sáu mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi chín đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà Ngân hàng đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo biên lai số 0000490 ngày 07/10/2025.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKS Khu vực 1;
- THA Khu vực 1;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

(đã ký)

**Nguyễn Thị Hồng Thắm**